

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08/5/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Quyết.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Chí Dũng và bà Đinh Thị Tin

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 418/2023/TLST-HNGĐ ngày 17/11/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13A/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 15/03/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST- HNGĐ ngày 12/4/2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984; nơi ĐKHKTT: Khu dân cư (KDC) H, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương; chỗ ở hiện tại: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương-Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh **Từ Văn H**, sinh năm 1972; địa chỉ: KDC H, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

**- Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962, địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương - Vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai đương sự và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày như sau:** Chị và anh Từ Văn H kết hôn với nhau ngày 04/3/2015 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống tại KDC H, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 01 năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là

do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Ngoài ra, do anh H làm ăn không bàn bạc với chị. Anh H bán nhà, đất, bán xe ô tô mà không nói gì với chị. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do không thể chịu đựng được nên chị đã về bỏ về quê tại thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương sống ly thân với anh H từ ngày 18/4/2023 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh H. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là Từ Thị Hải Y, sinh ngày 09/07/2017. Cháu Y hiện đang ở cùng chị tại thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**- Lời khai của người làm chứng:**

+ Bà Nguyễn Thị T - mẹ đẻ của chị L trình bày: Chị Nguyễn Thị L và anh Từ Văn H kết hôn với nhau ngày 04/3/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, chị L và anh H về sinh sống trên mảnh đất của bố mẹ đẻ anh H tại KDC H, phường T, thị xã K. Quá trình anh chị chung sống bà biết được anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H là người mải chơi, bán hết đất đai, xe cộ để chơi bời. Bản thân chị L phải vay chạy tiền bạc của họ hàng, gia đình 03 lần mua xe ô tô cho anh H để làm ăn nhưng được một thời gian anh H lại bán xe để chơi bời. Vì những lý do trên vợ chồng anh chị thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng nên chị L đã bỏ về ở với gia đình bà tại thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương. Nay chị L có đơn xin ly hôn, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào tình trạng mâu thuẫn của hai anh chị để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Từ Thị Hải Y, sinh ngày 09/07/2017, hiện cháu đang ở cùng với chị L tại gia đình bà. Chị L hiện đang làm công nhân, thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Bà xác định chị L có đủ điều kiện nuôi con.

**- Tại biên bản xác minh, đại diện UBND phường T và Trưởng khu dân cư H, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương cung cấp:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị L và anh H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị sinh sống tại KDC H, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình vợ chồng anh chị chung sống, địa phương nắm được vợ chồng anh chị thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H là người mải chơi nên dẫn đến công việc làm ăn của anh H thường xuyên thua lỗ và nợ nần nhiều. Chính vì vậy nên vợ chồng anh H, chị L xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Do mâu thuẫn kéo dài nên chị L đã về bỏ về quê tại thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương sống ly thân với anh H từ năm 2023 đến nay. Nay chị L xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

*Về con chung:* Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Từ Thị Hải Y, sinh ngày 09/07/2017. Trường hợp anh chị ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Y cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc vì thực tế cháu Y hiện đang sống cùng chị L và do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

### **Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L; xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Từ Văn H.

- *Về con chung:* Giao cháu Từ Thị Hải Y cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị L nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt bị đơn anh Từ Văn H nhưng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, thấy rằng:

Chị Nguyễn Thị L và anh Từ Văn H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký vào ngày 04/3/2015 tại UBND phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại Khu dân cư H, phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống, mặt khác không có sự đồng thuận trong công việc làm ăn kinh tế, không có sự bàn bạc trong gia đình; thậm chí theo chị L và bà T trình bày anh H còn tự ý bán nhà, đất và xe ô tô của gia đình không có sự trao đổi với chị L. Do vậy anh

chị đã xảy ra cãi nhau. Do không thể chịu đựng được nên chị L đã về bỏ về quê tại thôn Đ, xã B, huyện T, tỉnh Hải Dương sống ly thân với anh H từ ngày 18/4/2023 đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Chị L giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn anh H. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh H không liên lạc, quan tâm đến chị L thể hiện sự bỏ mặc, không mong muốn đoàn tụ gia đình. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị L được ly hôn anh H.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung là Từ Thị Hải Y, sinh ngày 09/07/2017, hiện đang ở cùng chị L. Nay chị L có quan điểm được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Y và tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sau khi chị L và anh H ly thân, cháu Y do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển bình thường. Chị L có chỗ ở và thu nhập hàng tháng ổn định. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L, giao cháu Từ Thị Hải Y cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Từ Văn H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Từ Thị Hải Y, sinh ngày 09/07/2017 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Thời gian giao nuôi con từ khi ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị L đã nộp theo biên lai thu

số 0002223 ngày 13/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn.  
Chị L đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Báo chị L và anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- UBND phường T, thị xã K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Quyết**